

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107,865,080,704	92,787,156,866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38,457,633,080	35,690,048,647
1. Tiền	111		7,181,328,749	6,635,478,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		31,276,304,331	29,054,570,574
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32,800,000,000	25,605,789,450
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	32,800,000,000	25,605,789,450
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,247,587,685	13,743,766,678
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	10,671,605,660	3,598,945,446
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8,604,409,545	7,962,841,850
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3,942,480,647	4,152,887,549
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,970,908,167)	(1,970,908,167)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	12,606,474,262	14,236,957,567
Hàng tồn kho	141		12,606,474,262	14,236,957,567
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,753,385,677	3,510,594,524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	74,289,967	102,827,585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,065,826,521	3,264,821,130
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		463,872,309	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	149,396,880	142,945,809
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223,626,010,857	242,743,641,310
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		222,303,233,781	240,630,436,349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	210,941,947,325	225,419,164,430
Nguyên giá	222		565,969,729,587	552,101,921,770
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(355,027,782,262)	(326,682,757,340)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	649,030,683	912,533,067
Nguyên giá	228		3,215,946,666	2,925,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,566,915,983)	(2,013,413,599)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	10,712,255,773	14,298,738,852
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư dài hạn khác	258		8,330,000	8,330,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,314,447,076	2,104,874,961
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1,314,447,076	2,104,874,961
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		331,491,091,561	335,530,798,176

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		141,721,672,906	137,033,410,508
I. Nợ ngắn hạn	310		107,059,892,558	106,252,222,705
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	906,951,983	3,113,735,932
2. Phải trả người bán	312	V.15	25,380,773,978	6,147,536,753
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	4,321,480,619	828,929,059
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	8,418,618,907	14,379,843,476
5. Phải trả người lao động	315		9,288,677,549	12,807,638,503
6. Chi phí phải trả	316	V.18	12,472,634,953	15,628,306,513
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	43,162,519,014	50,964,478,336
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.20	3,108,235,555	2,381,754,133
II. Nợ dài hạn	330		34,661,780,348	30,781,187,803
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	21,336,012,555	17,455,420,010
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	13,325,767,793	13,325,767,793
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189,769,418,655	198,497,387,668
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	189,769,418,655	198,497,387,668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		32,811,930,258	22,715,880,043
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,629,743,425	10,813,660,474
4. Lãi lũy kế	420		13,327,744,972	34,967,847,151
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		331,491,091,561	335,530,798,176

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Ngoại tệ: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014



Lại Thị Thu
 LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu năm 2014

Mẫu B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ 3		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2014	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	198,452,648,622	189,831,200,709	586,407,810,985	556,676,815,730
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		63,844,385	135,726,526	249,893,476	234,550,444
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198,388,804,237	189,695,474,183	586,157,917,509	556,442,265,286
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	184,967,734,666	176,011,018,119	550,380,196,077	522,428,322,650
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,421,069,571	13,684,456,064	35,777,721,432	34,013,942,636
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	580,332,020	440,469,136	2,327,823,332	2,636,915,866
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	414,252,297	371,714,419	1,284,588,982	665,790,218
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		414,252,297	371,714,419	1,284,588,982	665,790,218
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	2,259,010,106	2,300,834,053	6,846,346,864	6,059,147,423
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,781,896,217	5,049,681,203	14,963,452,148	14,650,292,194
10 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,546,242,971	6,402,695,525	15,011,156,770	15,275,628,667
11 Thu nhập khác	31		991,855,616	175,374,549	5,067,781,518	375,877,912
12 Chi phí khác	32		665,338,516	59,936,387	3,388,607,679	65,179,886
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	326,517,100	115,438,162	1,679,173,839	310,698,026
14 Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		6,872,760,071	6,518,133,687	16,690,330,609	15,586,326,693
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1,392,266,324	1,329,931,464	3,449,350,309	3,257,407,129
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,480,493,747	5,188,202,223	13,240,980,300	12,328,919,564
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	422	399	1,019	948

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

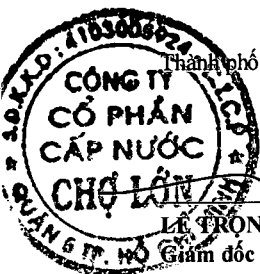
(Theo phương pháp gián tiếp)

Trại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND
09 tháng đầu năm
2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm 2014	09 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lãi trước thuế	01		16,690,330,609	15,586,326,693
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29,033,821,558	32,545,233,271
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3,030,786,837)	(2,636,915,866)
- Chi phí lãi vay	06		1,284,588,982	665,790,218
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43,977,954,312	46,160,434,316
- Tăng các khoản phải thu	09		(6,653,151,521)	(2,854,147,813)
- Giảm hàng tồn kho	10		1,630,483,305	949,979,935
- Tăng các khoản phải trả	11		22,806,633,832	35,914,054,520
- Giảm (tăng) chi phí trả trước	12		818,965,503	(2,866,597,332)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,284,588,982)	(665,790,218)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,283,711,440)	(6,320,671,590)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		805,347,489	318,491,029
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,864,352,390)	(3,354,077,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48,953,580,108	67,281,675,147
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22,883,513,703)	(54,667,770,520)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,194,210,550)	(34,720,092,884)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	27		2,821,707,507	2,786,591,603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27,256,016,746)	(86,601,271,801)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	9,130,658,869
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,206,783,949)	(1,391,600,949)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,723,194,980)	(17,141,659,585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,929,978,929)	(9,402,601,665)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,767,584,433	(28,722,198,319)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		35,690,048,647	52,295,129,608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38,457,633,080	23,572,931,289



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 09a-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tải lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 392 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 394 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 08 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chung của tập đoàn công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới (nếu có)

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tiền mặt	42.197.723	46.971.238
Tiền gửi ngân hàng	7.139.131.026	6.588.506.835
Các khoản tương đương tiền (*)	31.276.304.331	29.054.570.574
Cộng	38.457.633.080	35.690.048.647

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 7% đến 9,5%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	32.800.000.000	25.605.789.450
Cộng	32.800.000.000	25.605.789.450

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất từ 7% đến 9,5%/năm).

3. Phải thu khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	10.671.605.660	3.598.945.446
Cộng	10.671.605.660	3.598.945.446

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
4. Trả trước người bán		
Công nợ với bên liên quan	513.838.814	416.546.597
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	513.838.814	416.546.597
Công nợ với nhà cung cấp khác	8.090.570.731	7.546.295.253
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.447.838.066	1.967.684.182
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	254.921.390	217.205.135
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	348.040.000	348.040.000
Công Ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	363.687.267	-
Công Ty TNHH XĐBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	677.562.334
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	612.402.213	197.166.753
Công ty TNHH dịch vụ du lịch OSC First Holidays	-	-
Công ty TNHH MTV Du Lịch & Tiếp thị GT Vạn Tài VN	-	-
Công ty TNHH Đan Vĩ	818.265.148	1.623.821.625
Công ty Quản Lý CT Giao Thông Sài Gòn	1.585.226.929	-
Công ty TNHH TM XD Việt Long	289.527.399	334.975.324
Khách hàng khác	1.068.578.645	1.688.578.046
Cộng	8.604.409.545	7.962.841.850
5. Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban	-	-
Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.037.104.210	756.805.009
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	493.884.175
Phải thu khác	32.611.327	29.433.259
Cộng	3.942.480.643	4.152.887.549
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
Dự phòng các khoản nợ trên 3 năm	1.970.908.167	1.970.908.167
Cộng	1.970.908.167	1.970.908.167
7. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	11.988.343.748	10.700.522.270
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	618.130.515	3.536.435.297
Cộng	12.606.474.263	14.236.957.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	12.606.474.263	14.236.957.567

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/09/2014
Chi phí công cụ dụng cụ	102.827.585	232.804.400	261.342.018	74.289.967
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	2.106.000.000	2.106.000.000	-
Cộng	102.827.585	2.338.804.400	2.367.342.018	74.289.967

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	10.518.000	11.290.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	138.878.880	131.655.809
Cộng	149.396.880	142.945.809

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2014	2.015.263.000	1.531.852.486	538.846.352.241	9.708.454.043	552.101.921.770
2. Tăng trong kỳ	-	-	13.562.139.775	1.842.869.649	15.405.009.424
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	1.842.869.649	1.842.869.649
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	13.562.139.775	-	13.562.139.775
3. Giảm trong kỳ	-	-	1.537.201.607	-	1.537.201.607
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	1.390.937.551	-	1.390.937.551
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	146.264.056	-	146.264.056
4. Tại ngày 30/09/2014	2.015.263.000	1.531.852.486	550.871.290.409	11.551.323.692	565.969.729.587
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2014	1.490.832.761	1.388.669.886	319.726.362.931	4.076.891.762	326.682.757.340
2. Tăng trong kỳ	53.300.673	28.892.781	27.105.886.885	1.292.238.834	28.480.319.173
3. Giảm trong kỳ	-	-	135.294.252	-	135.294.252
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	135.294.252	-	135.294.252
4. Tại ngày 30/09/2014	1.544.133.434	1.417.562.667	346.696.955.564	5.369.130.596	355.027.782.261
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2014	524.430.239	143.182.600	219.119.989.310	5.631.562.281	225.419.164.430
2. Tại ngày 30/09/2014	471.129.566	114.289.819	204.174.334.845	6.182.193.096	210.941.947.326
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
1. Tại ngày 01/01/2014	260.186.500	1.484.558.224	170.880.492.955	3.218.234.696	175.843.472.375
2. Tại ngày 30/09/2014	238.574.000	1.319.886.486	217.440.015.834	2.187.990.414	224.258.237.339

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2014	2.925.946.666	2.925.946.666
2. Tăng trong kỳ	290.000.000	290.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>290.000.000</i>	<i>290.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2014	3.215.946.666	3.215.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2014	2.013.413.599	2.013.413.599
2. Tăng trong kỳ	553.502.384	553.502.384
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2014	2.566.915.983	2.566.915.983
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2014	912.533.067	912.533.067
2. Tại ngày 30/09/2014	649.030.683	649.030.683
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại 01/01/2014	904.805.876	904.805.876
Tại 30/09/2014	1.783.200.333	1.783.200.333

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 30/09/2014
Sửa chữa di dời nhà làm việc	8,905,778	315,247,273	-	-	8,905,778	315,247,273
Công trình di dời đường ống	5,399,939,415	1,505,812,169	1,500,000,000	-	-	5,405,751,584
Công trình chống thất thoát nước	988,308,596	1,548,498,420	1,929,284,800	424,602,211	49,622,084	133,297,921
Công trình cải tạo ống mục	236,438,211	20,796,898,787	-	21,018,847,488	14,489,510	-
Công trình đầu tư ống cái	832,482,192	3,463,244,544	1,480,551,973	245,219,357	443,955,515	2,125,999,891
Công trình phát triển mạng lưới	6,832,664,660	5,646,181,781	8,652,303,002	184,082,072	910,502,266	2,731,959,101
Cộng	14,298,738,852	33,275,882,974	13,562,139,775	21,872,751,128	1,427,475,153	10,712,255,773

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/09/2014
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.212.483.466	30.879.265	436.444.914	806.917.817
Chi phí công cụ dụng cụ	524.390.406	-	262.195.206	262.195.200
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	368.001.089	-	122.667.030	245.334.059
Cộng	2.104.874.961	30.879.265	821.307.150	1.314.447.076

14. Vay và nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn đến hạn trả - Vay Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (<i>Xem thuyết minh chi tiết V.22</i>)	906.951.983	3.113.735.932
Cộng	906.951.983	3.113.735.932

15. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công nợ với bên liên quan	23.404.527.607	2.211.323.791
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	23.404.527.607	2.211.323.791
Công nợ với nhà cung cấp khác	1.976.246.371	3.936.212.962
Cty TNHH Khôi Việt	653.300.000	-
DNTN Thảo Tín Vũ	145.008.655	-
Công ty TV ĐT Hoàng Gia Bảo	482.152.661	-
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty QL CTGT Sài Gòn	-	2.885.241.884
Công ty TNHH XD TM HƯNG THẮNG	124.422.696	-
Công nợ khác	319.750.205	799.358.924
Cộng	25.380.773.978	6.147.536.753

16. Người mua trả tiền trước

Công nợ với bên liên quan	457.839.339	180.713.500
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	72.874.000
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	407.839.500	107.839.500
Công nợ với khách hàng khác	3.863.641.280	648.215.559
Truy thu tiền thất thoát nước	463.468.175	259.590.010
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	71.160.620	-
Tiền nước khách hàng	3.106.386.092	61.013.595
Các khách hàng khác	222.626.393	327.611.954
Cộng	4.321.480.619	828.929.059

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ (*)	-	31.211.906.037	31.443.991.376	-232.085.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.177.473.636	3.449.350.309	8.283.711.440	1.343.112.505
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.203.355.208	1.930.961.981	3.366.104.159	-231.786.970
Các loại thuế khác	6.999.014.632	56.614.743.620	56.538.251.850	
- Thuế bảo vệ môi trường	6.999.014.632	56.611.023.620	56.534.531.850	7.075.506.402
- Thuế môn bài và thuế khác	-	3.720.000	3.720.000	-
Cộng	14.379.843.476	93.206.961.947	99.632.058.825	7.954.746.598

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu 154 “thuế và các khoản phải thu nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán.

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
 - + Cung cấp nước : 5 %
 - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	6.799.768.949	13.965.563.003
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	3.357.030.840	1.580.243.510
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	2.315.835.164	-
Chi phí phải trả khác	-	82.500.000
Cộng	12.472.634.953	15.628.306.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản phải trả khác

Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	17.362	17.365
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.697.591.590	1.414.128.407
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	10.744.283.788	16.890.832.097
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	84.431.890	7.163.539
Cổ tức phải trả cho cổ đông	921.435.728	744.630.708
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	29.695.601.243	31.889.977.855
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	<i>21.602.479.000</i>	<i>21.602.479.000</i>
<i>Ban Quản Lý Dự Án Cải Tạo Kênh Ba Bò</i>	-	<i>70.502.449</i>
<i>Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị</i>	<i>1.075.581.594</i>	<i>1.849.653.139</i>
<i>Ban QLĐT Xây Dựng Công Trình Quận 6</i>	-	<i>475.460.455</i>
<i>Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO</i>	-	<i>723.708.135</i>
<i>Khu quản lý giao thông đô thị số 1</i>	<i>836.941.760</i>	<i>987.575.788</i>
<i>Khu quản lý giao thông đô thị số 4</i>	<i>6.180.598.889</i>	<i>6.180.598.889</i>
Các khoản phải trả khác	19.157.413	17.728.365
Cộng	43.162.519.014	50.964.478.336

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.642.690.059	2.252.866.361	66.400.000	1.793.280.000	2.168.676.420
Quỹ phúc lợi	739.064.074	2.252.866.361	-	2.052.371.300	939.559.135
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	563.216.590	-	563.216.590	-
Cộng	2.381.754.133	5.068.949.312	66.400.000	4.408.867.890	3.108.235.555

21. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	14.232.719.776	16.439.503.725
Nợ dài hạn đến hạn trả	(906.951.983)	(3.113.735.932)
Cộng	13.325.767.793	13.325.767.793

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Tại ngày 01/01/2014	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Tại ngày 30/09/2014
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	37.970.111	-	20.571.000	17.399.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	624.399.191	-	262.497.000	361.902.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	729.080.927	-	427.734.000	301.346.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	378.390.616	-	138.900.000	239.490.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.232.297.823	-	474.000.000	1.758.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	317.476.869	-	58.820.415	258.656.454
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	81.706.811	-	9.078.534	72.628.277
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.276.412.460	-	70.987.000	2.205.425.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.794.557.471	-	291.096.000	4.503.461.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.967.211.446	-	453.100.000	4.514.111.446
Cộng	16.439.503.725	-	2.206.783.949	14.232.719.776

22. Các khoản phải trả phải nộp dài hạn

Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

23. Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2013	130.000.000.000	20.113.571.708	8.014.728.761	28.076.081.806	186.204.382.275
Lợi nhuận tăng trong kỳ trước	-	-	-	34.881.082.478	34.881.082.478
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	2.602.308.335	2.798.931.713	(5.401.240.048)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.038.077.085)	(5.038.077.085)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	130.000.000.000	22.715.880.043	10.813.660.474	34.967.847.151	198.497.387.668
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	13.240.980.300	13.240.980.300
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	10.096.050.215	2.816.082.951	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Tại ngày 30/09/2014	130.000.000.000	32.811.930.258	13.629.743.425	13.327.744.972	189.769.418.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam</i>	<i>14.200.000.000</i>	<i>14.200.000.000</i>
<i>Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM</i>	<i>3.005.000.000</i>	<i>3.005.000.000</i>
<i>Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á</i>	<i>2.766.520.000</i>	<i>2.766.520.000</i>
<i>Cổ đông khác</i>	<i>40.724.480.000</i>	<i>40.724.480.000</i>
Cộng	<u>130.000.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>	<u>9 tháng đầu năm 2013</u>
Doanh thu cung cấp nước	576.674.695.498	547.288.159.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.483.222.011	9.154.106.282
Cộng	<u>586.157.917.509</u>	<u>556.442.265.286</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	544.205.302.710	517.043.350.782
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.174.893.367	5.384.971.868
Cộng	<u>550.380.196.077</u>	<u>522.428.322.650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết giá vốn theo yếu tố:

Giá vốn theo yếu tố-nước

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	414.858.269.732	379.552.714.343
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	20.755.753.350	22.812.615.934
Chi phí nhân công	40.049.591.439	42.965.265.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.820.869.934	30.570.602.880
Chi phí thuê tài sản hoạt động	3.643.276.706	2.151.952.209
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	10.279.528.722	11.359.405.209
Chi phí chống thất thoát nước	935.868.068	1.247.511.623
Chi phí cải tạo ống mục	21.018.847.488	22.801.090.702
Chi phí sửa bể	979.389.534	335.013.964
Chi phí khác	740.890.637	771.505.485
Tổng chi phí sản xuất	541.082.285.610	514.567.678.058
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	3.123.017.100	2.475.672.724
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	-
Giá vốn cung cấp nước	544.205.302.710	517.043.350.782

Giá vốn cung cấp dịch vụ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	3.619.951.101	3.104.457.966
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường Thuê ngoài	2.554.942.266	2.280.513.902
Giá vốn dịch vụ	6.174.893.367	5.384.971.868

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.251.133.618	2.492.137.783
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.360.364	144.778.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	329.350	-
Cộng	2.327.823.332	2.636.915.866

4. Chi phí tài chính

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
Lãi vay	1.284.588.982	665.790.218
Cộng	1.284.588.982	665.790.218

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	5.487.633.912	4.543.256.230
Chi phí công cụ, dụng cụ	77.570.933	232.026.456
Chi phí khấu hao	288.786.206	292.034.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	992.355.813	991.830.206
Cộng	6.846.346.864	6.059.147.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	9.413.263.011	8.834.415.304
Chi phí đồ dùng văn phòng	236.376.284	315.211.348
Chi phí khấu hao	1.046.832.448	1.020.584.311
Thuế, phí và lệ phí	116.022.911	29.821.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	4.150.957.494	4.450.259.651
Cộng	14.963.452.148	14.650.292.194
7. Lãi thuần từ hoạt động khác		
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	12.181.818	49.636.367
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	4.275.452.844	305.499.994
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	713.933.309	-
Thu nhập khác	66.213.547	20.741.551
Cộng	5.067.781.518	375.877.912
Chi phí hồ sơ mời thầu	22.720.047	35.195.599
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	3.316.089.239	-
Chi phí khác	49.798.393	29.984.287
Cộng	3.388.607.679	65.179.886
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.679.173.839	310.698.026
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.690.330.609	15.586.326.693
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	12.760.121.250	12.783.490.947
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.930.209.359	2.802.835.809
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	163.400.000	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	163.400.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận tính thuế	16.853.730.609	15.586.326.693
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch (năm nay 20% - năm trước 20%)	12.923.521.250	12.783.490.947
- Đối với hoạt động kinh doanh khác (năm nay 22%, năm trước 25%)	3.930.209.359	2.802.835.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.449.350.309	3.257.407.142

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ sáu Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>	<u>9 tháng đầu năm 2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.240.980.300	12.328.919.564
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.240.980.300	12.328.919.564
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.019</u>	<u>948.4</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>	<u>9 tháng đầu năm 2013</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.862.301.353	402.368.605.700
Chi phí nhân công	45.869.754.544	56.342.937.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.156.488.588	31.883.224.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	45.301.450.604	41.342.145.844
Cộng	<u>572.189.995.089</u>	<u>531.936.913.509</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
Cổ tức chưa thanh toán	921.435.728
Lãi tiền gửi còn dự thu	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	493.884.175
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	744.630.708
Ứng trước tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định	<u>615.882.432</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty CP cấp nước Bến Thành
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa
Chi nhánh cấp nước Trung An
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	9 tháng đầu năm 2014
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	
Mua hàng hóa (vật tư, nước sạch)	434.513.847.433
Thuê tài sản hoạt động	3.643.276.706
Vay dài hạn	-
Lãi vay phải trả	1.284.588.982
Phải trả XDCB và TSCĐ	-
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	85.118.864
Phải thu do chi hộ	2.710.000
Phải thu nhượng bán vật tư, thi công trực cứu hỏa	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>13.875.531</u>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh	
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>36.260.121</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước	
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>336.888.308</u>

Tại ngày 30/09/2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu các khoản chi hộ	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải trả thương mại	(23.404.527.607)	(2.211.323.791)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng	(10.744.283.788)	(16.890.832.097)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
hồ nước		
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(407.839.500)	(107.839.500)
Phải trả tiền vay	<u>(13.325.767.793)</u>	<u>(16.439.503.725)</u>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	<u>(49.999.839)</u>	<u>(72.874.000)</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	513.838.814	416.546.597

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
Tiền lương	1.451.066.085	1.310.978.374
Các khoản bảo hiểm phải trả	31.059.324	21.544.584
Cộng	<u>1.482.125.409</u>	<u>1.332.522.958</u>

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.14 và V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Tại ngày</u> <u>30/09/2014</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2014</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.457.633.080	35.690.048.647
Đầu tư ngắn hạn	32.800.000.000	25.605.789.450
Phải thu khách hàng	9.023.094.672	1.950.434.458
Các khoản phải thu khác	2.550.367.927	3.044.252.102
Ký quỹ ngắn hạn	138.878.880	131.655.809
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>82.978.304.559</u>	<u>66.430.510.466</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	14.232.719.776	16.439.503.725
Phải trả người bán	25.380.773.978	6.147.536.753
Chi phí phải trả	12.472.634.953	15.628.306.513
Các khoản phải trả khác	63.492.646.589	67.668.086.734
Cộng	<u>115.578.775.296</u>	<u>105.883.433.725</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2014				
Vay và nợ	3.348.825.970	8.510.550.712	2.373.343.094	14.232.719.776
Phải trả người bán	25.380.773.978	-	-	25.380.773.978
Chi phí phải trả	12.472.634.953	-	-	12.472.634.953
Các khoản phải trả khác	42.156.634.034	-	21.336.012.555	63.492.646.589
Cộng	83.358.868.935	8.510.550.712	23.709.355.649	115.578.775.296
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	3.113.735.932	9.614.031.165	3.711.736.628	16.439.503.725
Phải trả người bán	6.147.536.753	-	-	6.147.536.753
Chi phí phải trả	15.628.306.513	-	-	15.628.306.513
Các khoản phải trả khác	50.212.666.724	17.455.420.010	-	67.668.086.734
Cộng	75.102.245.922	9.614.031.165	3.711.736.628	105.883.433.725

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.457.633.080	-	-	38.457.633.080
Đầu tư ngắn hạn	32.800.000.000	-	-	32.800.000.000
Phải thu khách hàng	9.023.094.672	-	-	9.023.094.672
Các khoản phải thu khác	2.550.367.927	-	-	2.550.367.927
Ký quỹ ngắn hạn	138.878.880	-	-	138.878.880
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	82.969.974.559	8.330.000	-	82.978.304.559
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.690.048.647	-	-	35.690.048.647
Đầu tư ngắn hạn	25.605.789.450	-	-	25.605.789.450
Phải thu khách hàng	1.950.434.458	-	-	1.950.434.458
Các khoản phải thu khác	3.044.252.102	-	-	3.044.252.102
Ký quỹ ngắn hạn	131.655.809	-	-	131.655.809
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	66.422.180.466	8.330.000	-	66.430.510.466

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2014



TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu